

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT YÊN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2025

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	381	Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm	3	Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	378	Học sinh	Tiền ăn:	7,000	đồng	= 2,646,000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	378	Học sinh	Tiền ăn:	24,000	đồng	= 9,072,000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	378	Học sinh	Tiền ăn:	24,000	đồng	= 9,072,000 đồng
8.	Tiền thu:	20,790,000	đồng		55,000		
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	20,790,000	đồng				
10.	Tiền thiếu:				0	đồng	

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	124.74	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	25.0	50,000	1,250,000	
3	Nước mắm	Lít	5.0	13,800	69,000	
4	Mỳ chính	Kg	2.0	55,000	110,000	
5	Bột canh	Kg	4.0	20,000	80,000	
6	Muối trắng	Kg	4.0	7,000	28,000	

7	Nước rửa bát	Lít	6.0	38,000	228,000	
8	Nước lau nhà	Lít	6.0	30,000	180,000	
9	Gas đun bếp	Kg	25.0	36,000	900,000	
10	Gạo nếp (nấu cháo)	Kg	6.0	25,000	150,000	
11	Thịt xay (Nấu cháo+ xào khoai tây)	Cái	13.0	120,000	1,560,000	
12	Gà xào sả ớt	Kg	71.0	80,000	5,680,000	
13	Bắp cải xào	Kg	48.0	12,000	576,000	
15	Cải thảo	Kg	25.0	12,000	300,000	
16	Dưa hấu	Kg	28.0	20,000	560,000	
17	Thịt lợn chiên xù	Kg	60.0	120,000	7,200,000	
18	Bột chiên	Kg	3.0	28,000	84,000	
19	Khoai tây xào thịt băm	Kg	48.0	17,000	816,000	
20	Bí xanh (canh)	Kg	26.9	10,000	269,000	
21	Ồi	Kg	28.0	20,000	560,000	
22	Hành khô	Kg		40,000	-	
23	Tỏi	Kg	2.0	40,000	80,000	
24	Củ xà	Kg	1.5	20,000	30,000	
25	Ớt	Kg		45,000	-	
26	Hành lá	Kg	2.0	40,000	80,000	
					20,790,000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

Yên Châu, ngàytháng.....năm 202.....
BỘ PHẬN KẾ TOÁN



Tạ Hải Yến

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Nguyễn Thị Như Vân

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Văn Hải